**TUẦN 17**

**TIẾT 81: ôn tập về phép cộng, phép trừ … phạm vi 20 (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Luyện tập tổng hợp về cộng, trừ trong phạm vi 20

- Luyện tập quan sát phép tính, tính toán, so sánh kết quả.

- Vận dụng các phép tính vào giải toán, giải quyết tình huống thực tế

- Phát triển các năng lực toán học.

+ NL tư duy lập luận, NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Laptop, ảnh con sao la, các thẻ số và thẻ phép tính,…

**2. Học sinh:** SGK, VBTT, các thẻ số và thẻ phép tính,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh**  |
| **1.Khởi động**- Gv tổ chức học sinh hát bài hát: Em học toán- GV giới thiệu bài, ghi bảng | - HS vận động theo nhạc -HS nêu tựa bài. |
| **2. Thực hành, luyện tập****Bài 4** a:- Cho HS đọc đề bài.- Bài toán yêu cầu làm gì?- Yêu cầu HS làm bài.- Tổ chức HS thảo luận nhóm 2.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- GV đưa ra các tình huống HS làm sai  16 – 8 + 8 = 16 - 16 = 0 - Dãy tính có 2 dấu + - ta thực hiện từ trái sang phải | - 1HS đọc đề.- HS nêu yêu cầu. a) Tính:**- Cá nhân:** HS làm bài.**- Nhóm 2:** HS trao đổi thống nhất kết quả.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.**\*Dự kiến:** 6 + 6 + 4 = 16 (A)  16 – 8 + 8 = 16 (A)7 + 7 + 3 = 17 (S)    8 – 9 – 2 =  7 (L)5 + 9 – 4 = 10 (O)- HS lắng nghe và nhận xét.- HS lắng nghe |
| **Bài 4b** : - Cho HS đọc đề bài.- Bài toán yêu cầu làm gì?- Yêu cầu HS làm bài.- Tổ chức HS thảo luận nhóm 2.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- Em làm thế nào để tìm được chữ SAO ở ô này? - Nêu cho cô và cách bạn nghe cách làm của nhóm em được không?*-* SAO LA: hay còn được gọi là "Kỳ lân Châu Á" là một trong những loài [thú](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%9Bp_Th%C3%BA) hiếm nhất trên thế giới sinh sống trong vùng núi rừng [Trường Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%C3%A3y_Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_S%C6%A1n) tại [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) và [Lào](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o) được các nhà khoa học phát hiện vào năm [1992](https://vi.wikipedia.org/wiki/1992). Sao la được xếp hạng ở mức Nguy cấp (có nguy cơ tuyệt chủng trong tự nhiên rất cao) trong [Sách đỏ](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%A1ch_%C4%91%E1%BB%8F_IUCN) của Liên minh Bảo tồn Thế giới ([IUCN](https://vi.wikipedia.org/wiki/Li%C3%AAn_minh_B%E1%BA%A3o_t%E1%BB%93n_Thi%C3%AAn_nhi%C3%AAn_Qu%E1%BB%91c_t%E1%BA%BF)) và trong [Sách đỏ Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%A1ch_%C4%91%E1%BB%8F_Vi%E1%BB%87t_Nam). | - 1HS đọc đề.- HS nêu yêu cầu. b) Xếp các chữ cái tương ứng với kết quả phép tính ở câu a vào các ô ? em sẽ biết thêm tên một loài động vật trong sách đỏ Việt Nam.- **Cá nhân**: H/s làm bài.**- Nhóm 2:** HS trao đổi thống nhất kết quả.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.**\*Dự kiến:** - Tên loài vật nhóm tìm đc là SAO LA - Hs nhận xét - Em dóng kết quả 17 với chữ cái S, Kết quả 16 với chữ cái A, kết quả 10 với chữ cái O. Con được ô chữ SAO ạ.- HS giơ tay nếu đúng.- HS lắng nghe |
| **Bài** 5- Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.- Tổ chức học sinh trao đổi đề bài nhóm 2.- Giáo viên nhận xét. *Tóm tắt*Dũng nhặt : 16 vỏ sòHuyền nhặt ít hơn Dũng: 7 vỏ sòHuyền nhặt :…vỏ sò?-Yêu cầu hs làm bài. GV kiểm tra vở- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- GV nhận xét, đánh giá và chốt bài làm đúng.- Ngoài câu trả lời giải của bạn ai có lời giải khác?**Bài 5b.** - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.- Tổ chức học sinh trao đổi đề bài nhóm 2.- Giáo viên nhận xét. *Tóm tắt*Bức tranh thứ nhất: 8 vỏ sòBức tranh thứ hai nhiều hơn bức tranh thứ nhất: 9 vỏ sòBức tranh thứ hai: :…vỏ sò?-Yêu cầu hs làm bài. GV kiểm tra vở- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- GV nhận xét, đánh giá và chốt bài làm đúng.- Ngoài câu trả lời giải của bạn ai có lời giải khác?- Hỏi: Bài tập phần a có khác gì bài tập phần b?- GV nhận xét, đánh giá.**3.Vận dụng, trải nghiệm**- GV hệ thống kiến thức toàn bài. - Hoàn thành VBTT.- Xem trước bài tới.- Nhận xét tiết học.  | **-** Học sinh đọc đề bài.**- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.+ Bài toán cho biết gì? Dũng nhặt được 16 vỏ sò, Huyền nhặt được ít hơn Dũng 7 vỏ sò.+ Bài toán hỏi gì? Hỏi Huyền nhặt được bao nhiêu vỏ sò?- **Cá nhân**: H/s làm bài.- **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.\* **Dự kiến** **Bài giải** Huyền nhặt được số vỏ sò là : 16 – 7= 9( vỏ)  **Đáp số :** 9 vỏ sò - Số vỏ sò Huyền nhặt được là:**-** Học sinh đọc đề bài.**- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.+ Bài toán cho biết gì? Dũng và Huyền dùng các vỏ sò ghép thành hai bức tranh, bức tranh thứ nhất gồm 8 vỏ sò, bức tranh thứ hai nhiều hơn bức tranh thứ nhất 9 vỏ sò.+ Bài toán hỏi gì? Hỏi bức tranh thứ hai được ghép từ bao nhiêu vỏ sò?- **Cá nhân**: H/s làm bài.- **Nhóm 2**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.\* **Dự kiến** **Bài giải**Bức tranh thứ hai được ghép từ số vỏ sò là:8 + 9 = 17 ( vỏ)Đáp số: 17 vỏ sò- Số vỏ sò bức tranh thứ hai được ghép là:- Bài câu a thuộc dạng toán ít hơn, câu b thuộc dạng toán nhiều hơn.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):**

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 82: ôn tập về phép cộng, phép trừ … phạm vi 100**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Luyện tập về cộng trừ trong phạm vi 100

- Vận dụng được kiến thức kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải bài tập,

các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng qua 100.

- Phát triển các năng lực toán học.

+ NL tư duy lập luận, NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Laptop, bảng nhóm,…

**2. Học sinh:** SGK, VBTT,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh**  |
| **1.Khởi động**- Gv tổ chức học sinh hát bài hát: Em học toán- GV giới thiệu bài, ghi bảng | - HS vận động theo nhạc -HS nêu tựa bài. |
| **2. Thực hành, luyện tập** **Bài 1:** - Gọi một em đọc yêu cầu đề bài.- Bài toán yêu cầu ta làm gì?- Để thực hiện được phép tính em làm như thế nào?- Yêu cầu HS làm bài vào vở.- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.-GV nhận xét tuyên dương. | - 1HS đọc đề - Đặt tính rồi tính.- Đặt tính: Đặt chữ số hàng chục thẳng với chữ số hàng chục. Hàng đơn vị thẳng với chữ số hàng đơn vị. - Thực hiện tính:Từ phải sang trái bắt đầu từ hàng đơn vị**.****- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài- **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.Bài 48: Ôn về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 - Giải VBT Toán 2 - Cánh Diều 1\* **Dự kiến** |
| **Bài 2:**- Cho HS đọc đề. **-** Bài tập yêu cầu làm gì?**-** Yêu cầu HS tính kết quả của từng con thú.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- GV nhận xét bài làm của HS.- GV chiếu đáp án cho hs đối chiếu - Đây là những phép tính cộng trừ có nhớ chú ý nhớ thêm 1 ở phép công, với phép từ mượn 1 chục ở số trừ bớt đi 1 ở số trừ  | -1 Hs đọc đề bài - HS nêu yêu cầu. Tìm các phép tính có kết quả bằng nhau.**- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.\* **Dự kiến**Bài 48: Ôn về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 - Giải VBT Toán 2 - Cánh Diều 3 |
| **Bài 3:** -Yêu cầu bài tập là gì?- Yêu cầu HS làm bài vào vở.- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- GV nhận xét chiếu đáp án.-GV nhận xét tuyên dương. | - 1em đọc - Điền dấu >, <, = thích hợp.**- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài- **Nhóm 2**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.\* **Dự kiến**67 + 10 < 76 + 10 45 - 6 < 46 - 533 + 9 = 38 + 3 86 - 40 > 80 - 46-HS đối chiếu sửa bài. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm**- GV tổ chức HS chơi trò “Ai Nhanh – Ai đúng”- GV chiếu Slide câu hỏi và nêu: “Lấy hai trong ba túi gạo nào đặt lên đĩa cân bên phải để hai bên thăng bằng? ***-*** Gv tuyên dương những HS giơ thẻ nhanh-đúng.**-** GV hệ thống kiến thức toàn bài - Hoàn thành VBTT.-Xem trước bài tới.- Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe và quan sát.- HS giơ thẻ trả lời và trình bày cách làm.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):**

***…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 83: ôn tập về phép cộng, phép trừ … phạm vi 100(T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Luyện tập về cộng trừ trong phạm vi 100

- Vận dụng được kiến thức kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải bài tập,

các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng qua 100.

- Phát triển các năng lực toán học.

+ NL tư duy lập luận, NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Laptop, bảng nhóm,…

**2. Học sinh:** SGK, VBTT,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh**  |
| **1.Khởi động**- GV tổ chức học sinh hát bài hát: Em học toán.- GV giới thiệu bài, ghi bảng. | - Lớp khởi động theo bài hát: Em học toán.-HS nêu tựa bài. |
| **2. Thực hành, luyện tập****Bài 4 :** - GV cho HS nêu yêu cầu bài. - Bài tập yêu cầu làm gì?- Yêu cầu HS làm bài vào vở.- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.\- GV nhận xét tuyên dương.- Chốt cách thực hiện tính tổng của hai số đầu được bao nhiêu tính tiếp với số thứ ba  | - HS đọc đề bài - HS nêu yêu cầu bài. Tính:**- Cá nhân:** HS làm bài.**- Nhóm 2:** HS trao đổi thống nhất kết quả.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.**\*Dự kiến:**  50 + 10 + 40 = 60 + 40 = 100 34 + 8 - 12 = 42 - 12  = 30100 – 80 + 70 = 20 + 70  = 90                                  51 – 6 + 35 = 45 + 35  = 80 - HS lắng nghe. |
| **\* Bài 5a:** - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.- Tổ chức học sinh trao đổi đề bài nhóm 2.- Giáo viên nhận xét.-Yêu cầu hs làm bài. GV kiểm tra vở- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- GV nhận xét, đánh giá và chốt bài làm đúng.- Ngoài câu trả lời của bạn ai có câu trả lời khác?- GV nhận xét, tuyên dương. | **-** Học sinh đọc đề bài.**- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.+ Bài toán cho biết gì? Mẹ Nam cần hái 95 quả xoài để biếu họ hàng, mẹ đã hái được 36 quả. + Bài toán hỏi gì? Hỏi mẹ còn phải hái bao nhiêu quả xoài?- **Cá nhân**: H/s làm bài.- **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.\* **Dự kiến** **Bài giải** Mẹ còn hái số quả xoài nữa là:  95 - 36 = 59 ( quả )  Đáp số: 59 quả  - Số quả xoài mẹ còn hái nữa là: – HS nhận xét.  |
| \*Phần b. - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.- Tổ chức học sinh trao đổi đề bài nhóm 2.- Giáo viên nhận xét.-Yêu cầu hs làm bài. GV kiểm tra vở- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- GV nhận xét, đánh giá và chốt bài làm đúng.- Ngoài câu trả lời của bạn ai có câu trả lời khác?- GV nhận xét, tuyên dương.**3. Vận dụng, trải nghiệm**- Cho hs chơi trò chơi - Nói cách chơi + GV chia các đội (Mỗi bàn là 1 đội), phát bảng bingo và bút lông cho các đội.+ GV lần lượt nêu và chiếu các phép tính (mỗi phép tính chiếu 7 giây).+ GV cùng HS kiểm tra kết quả.- Hoàn thành VBTT - Xem trước bài tới.- Nhận xét tiết học. | **-** Học sinh đọc đề bài.**- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.+ Bài toán cho biết gì? Vườn nhà Thanh có 27 cây nhãn, số cây vải nhiều hơn số cây nhãn 18 cây.+ Bài toán hỏi gì? Hỏi vườn nhà Thanh có bao nhiêu câu vải?- **Cá nhân**: H/s làm bài.- **Nhóm 2**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.\* **Dự kiến** **Bài giải**Vườn nhà Thanh có số cây vải là:27 + 18 = 45 (cây)Đáp số: 45 cây vải.- Số cây vải vườn nhà Thanh có là.- HS lắng nghe.- HS tham gia chơi.+ HS tính nhẩm kết quả rồi khoanh tròn vào ô có kết quả tương ứng. - Thực hiện tại nhà  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):**

***…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………***

.

**TIẾT 84: ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐẠI LƯỢNG (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng nhận biết các đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc và các điểm thẳng hàng nhau.

- Vân dụng vào giải bài toán thực tế (có lời văn) liên quan đến phép trừ.

- Phát triển các năng lực toán học.

+ NL tư duy lập luận, NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Laptop, bảng nhóm,…

**2. Học sinh:** SGK, VBTT,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh**  |
| **1.Khởi động**- GV cho HS hát bài Hình khối.- Bạn nào cho cô biết trong bài hát có tên các hình nào?- Các con thấy rằng trong bài có rất nhiều các hình khác nhau, để ôn tập về các hình học đó và ôn tập các đại lượng chúng mình cùng đến với bài học hôm nay: Ôn tập về hình học và đại lượng.- GV ghi bảng. | - HS hát- Hình tròn, hình tam giác, hình vuông,...- HS lắng nghe.-HS nhắc lại tựa. |
| **2. Thực hành, luyện tập** **Bài 1** - GV yêu cầu HS đọc đề bài- Đề bài yêu cầu làm gì?**\*HD phần a.** -GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân chỉ ra đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc trong các hình.a) Tổ chức trò chơi Ai nhanh ai đúng?- GV phổ biến luật chơi.- Tổ chức cho HS chơi.- GV nhận xét tuyên dương.- Liên hệ: Ở phần khởi động, chúng ta kể tên được các hình khối. Nhìn các hình khối đó, các em liên tưởng đến đường nào mà chúng mình đã học? b) - GV yêu cầu HS đọc đề bài.- Đề bài yêu cầu làm gì?- Yêu cầu HS làm bài.- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- Như thế nào được gọi là 3 điểm thẳng hàng.- GV nhận xét tuyên dương. | - HS đọc đề bài a) Chỉ ra đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc trong các hìnhb) Nêu tên 3 điểm thẳng hàng trong hình.- **Cá nhân**: Chỉ ra đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc trong các hình.- **Toàn lớp:** HS lên chơi trò chơi HS - nhận xét, đánh giá.- HS lắng nghe.- Lớp chia thành 2 đội, mỗi đội 3 HS. Lần lượt từng thành viên trong đội nối tiếp nhau gắn thẻ tên tương ứng với các hình. Đội nào gắn xong nhanh nhất và có nhiều đáp án chính xác là đội giành chiến thắng.- Hình tròn liên tưởng đến đường cong; hình vuông, hình tam giác liên tưởng đến đường gấp khúc,...- HS đọc đề bài b) Nêu tên 3 điểm thẳng hàng trong hình.**- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài- **Nhóm 2**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.\* **Dự kiến**- C, M, A là 3 điểm thẳng hàng - A, N, B là 3 điểm thẳng hàng - C, P B là 3 điểm thẳng hàng **-** Các điểm nằm trên cùng một đường thẳng. |
| **Bài 2** - GV yêu cầu HS đọc đề bài a)- Phần a yêu cầu chúng ta làm gì?- Yêu cầu HS làm bài.- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- GV yêu cầu HS chọn 1 đường gấp khúc từ A đến B để đo và tính độ dài vào vở. - Yêu cầu HS làm bài.- GV cho HS nhận xét – chữa bài. **-** Để tính độ dài đường gấp khúc ta làm thế nào?- GV yêu cầu 1 HS đọc đề bài phần b) - câu b yêu câu làm gì?- Để vẽ được đoạn thẳng 1dm em cần chú ý điều gì?- GV nhận xét, yêu cầu HS vẽ đoạn thẳng 1dm vào vở. - GV chữa bài => chiếu vở- Em hãy nêu cho cô cách vẽ đoạn thẳng này. - GV nhận xét, tuyên dương. | -1 HS đọc-Đo và tính độ dài các đường gấp khúc từ A đến B**- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài- **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.\* **Dự kiến**+ Có bao nhiêu đường gấp khúc từ A đến B?- Có 3 đường gấp khúc từ A đến B (đường màu tím, đường màu vàng, đường màu xanh)+ Các đường gấp khúc đó được tạo bởi mấy đoạn thẳng?- Đường gấp khúc màu tím và màu vàng được tạo bởi 3 đoạn thẳng.- Đường gấp khúc màu xanh được tạo bởi 2 đoạn thăng. - HS chọn 1 đường gấp khúc đo và tính độ dài.**- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.- HS nhận xét, lắng nghe- Để tính độ dài đường gấp khúc ta tính tổng độ dài các đoạn thẳng tạo nên đường gấp khúc đó. -1 HS đọc- Vẽ đoạn thẳng có độ dài 1dm- Đổi 1dm = 10cm. - Vẽ đoạn thẳng 1dm là vẽ đoạn thẳng 10cm. Gọi đoạn MN = 10 cm = 1 dm+ Em đánh dấu điểm M bất kì trên vở. - HS vẽ vào vở.trang 98, 99 Ôn tập về hình học và đo lường hay nhất-HS chữa, nhận xét- Em đặt thước có chia xăng-ti-mét sao cho điểm M trùng với vạch chia số 0 của thước, sau đó kẻ thẳng theo thước đến vạch chia số 10, em đánh dấu điểm N trùng với vạch chia số 10 trên thước.- HS lắng nghe. |
| **Bài 3** - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.- Tổ chức học sinh trao đổi đề bài nhóm 2.- Giáo viên nhận xét.-Yêu cầu hs làm bài. GV kiểm tra vở- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- GV nhận xét, đánh giá và chốt bài làm đúng.- Vì sao ta làm phép trừ?- Ngoài câu trả lời của bạn ai có câu trả lời khác?- GV nhận xét, tuyên dương.**3.Vận dụng, trải nghiệm**- Để làm tốt bài toán có lời văn, các con cần lưu ý điều gì ?- Hoàn thành VBTT/87 - Xem trước bài / 99 - Nhận xét tiết học. | **-** Học sinh đọc đề bài.**- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.+ Bài toán cho biết gì? Bình sữa to có 23 l sữa, bình sữa nhỏ có ít hơn bình sữa to 8 l sữa. + Bài toán hỏi gì? Hỏi bình sữa nhỏ có bao nhiêu lít sữa?- **Cá nhân**: H/s làm bài.- **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.\* **Dự kiến****Bài giải**Bình sữa nhỏ có số lít sữa là:23 – 8 = 15 (ll)Đáp số: 15ll sữa.+ Vì bình sửa nhỏ ít hơn bình sữa to nên ta sẽ làm phép trừ. - Số lít sữa bình nhỏ có là.- Đọc kĩ đề để lựa chọn phép tính đúng.- HS lắng nghe. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 85: ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐẠI LƯỢNG (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng nhận biết các đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc và các điểm thẳng hàng nhau.

- Vân dụng vào giải bài toán thực tế (có lời văn) liên quan đến phép trừ.

- Phát triển các năng lực toán học.

+ NL tư duy lập luận, NL giải quyết vấn đề, NL giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Laptop, bảng nhóm,…

**2. Học sinh:** SGK, VBTT,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh**  |
| **1.Khởi động**- GV cho HS hát - GV dẫn dắt vào bài học. - GV ghi bảng tựa bài. | - HS cùng vận động theo nhạc. - HS lắng nghe. - HS nhắc lại. |
| **2. Thực hành, luyện tập****Bài 4**- Gọi HS đọc đề bài.- Bài yêu cầu làm gì?- Chiếu slide nội dung bài phần a, hỏi mỗi mảnh bìa sau có dạng hình gì? Vì sao em biết?- Gv nhận xét.- Chiếu slide nội dung phần b, hình vuông được tạo thành từ 12 mảnh ghép với các hình dạng khác nhau.- Yêu cầu suy nghĩ cá nhân.- Tổ chức HS thảo luận nhóm.- Tổ chức HS chia sẻ kết quả.+ Suy nghĩ thế nào mà em chọn mảnh bìa màu vàng ghép được vào vị trí hình 5?+ Dựa vào đâu em chọn mảnh bìa màu đỏ ghép vào vị trí hình 8?- Dựa vào đâu để biết một hình có thể đặt vào vị trí trống của hình khác?- GV kéo thả hình để kiểm tra (hoặc gắn mảnh bìa màu vàng và đỏ vào miếng bìa hình vuông).Chốt: từ việc nhận dạng được hình tứ giác, tìm sự tương đồng, các em đã xác định được vị trí mảnh ghép thích hợp. | - HS đọc đề.- HS nêu yêu cầu.- Hình tứ giác , vì có 4 cạnh -HS quan sát**- Cá nhân:** HS suy nghĩ xem hai mảnh bìa ở phần a ghép được vào vị trí nào trong hình vuông?**- Nhóm 2:** HS trao đổi thống nhất kết quả.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.**\*Dự kiến:** - Mảnh bìa màu vàng lắp được vào vị trí số 5.-  Mảnh bìa màu đỏ lắp được vào vị trí số 8.- Quan sát hình đã cho, dựa vào đặc điểm hình đó, quan sát chỗ trống nào có điểm giống nhau thì chọn-HS quan sát nhận xét.- HS lắng nghe.  |
| **Bài 5:** - Gọi HS đọc đề bài.- Bài yêu cầu làm gì?- Yêu cầu HS đọc tên đồ vật và cân nặng tương ứng.- Yêu cầu Hs thảo luận nhóm 4 giúp chị Lan mua các mặt hàng sao cho tổng cân nặng là 10kg bằng cách đánh dấu vào cột tương ứng với mỗi đồ vật. - Tổ chức HS chia sẻ kết quả.- GV minh họa gắn vật thật (hoặc kéo đồ vật trên phần mềm tương tác)- Gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung- Đưa đáp án có đầy đủ các cách có thể mua đồ sao cho tổng là 10kg.- Lưu ý HS ngoài những cách mà các nhóm đã trình bày, về nhà suy nghĩ thêm các cách làm khác. - GV nhận xét, tuyên dương.**3. Vận dụng, trải nghiệm**- Khi nhận nhiệm vụ đi chợ, siêu thị có nhiều cách lựa chọn, cần chọn đồ cần mua phù hợp với nhu cầu sử dụng.- Dặn HS về ôn tập lại kiến thức đã học và chuẩn bị bài sau.- GV nhận xét tiết học. | - HS đọc đề.- HS nêu yêu cầu. Quan sát cân nặng của các loại hàng bày bán trong siêu thị.**- Cá nhân:** HS đọc tên đồ vật và cân nặng tương ứng.**- Nhóm 4:** HS trao đổi thống nhất kết quả.- **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.**\*Dự kiến:** a) Ta có:1 kg < 2 kg < 3 kg < 4 kg < 5 kg < 8 kg.Vậy: Quả bí đỏ nặng nhất; thịt, túi đường trắng và túi cà chua nhẹ nhất.b) Ta có:• 10kg = 1 kg + 1 kg + 1 kg + 2 kg + 5 kg.Do đó, chị Lan có thể đã mua thịt, đường trắng, cà chua, bắp cải (hoặc con gà) và quả mít.• 10kg = 1 kg + 1 kg + 3 kg + 5 kg.Do đó, chị Lan có thể đã mua 2 trong 3 loại hàng: thịt, đường trắng, cà chua; gạo và quả mít.• 10 kg = 1 kg + 2 kg + 2 kg + 5 kgDo đó, chị Lan có thể đã mua thịt (hoặc đường trắng hoặc cà chua), con gà, bắp cải và quả mít.• 10 kg = 1kg + 4 kg + 5 kgDo đó, chị Lan có thể đã mua thịt (hoặc đường trắng hoặc cà chua), bột giặt và quả mít.• 10kg = 1 kg + 1 kg + 8 kgDo đó, chị Lan có thể đã mua 2 trong 3 loại hàng: thịt, đường trắng, cà chua và quả bí đó• 10kg  = 2 kg + 8 kgDo đó, chị Lan có thể đã mua con gà (hoặc bắp cải) và quả bí đỏ.• 10kg = 2 kg + 3 kg + 5 kgDo đó, chị Lan có thể đã mua con gà (hoặc bắp cải), gạo và quả mít.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):**

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***